

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 10 năm 2025

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, TRONG DỰ THẢO

Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025-2030

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025-2030. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

Trong giai đoạn 2020–2025, bối cảnh trong nước và quốc tế biến động nhanh, đa chiều, tác động sâu sắc đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH, CN, ĐMST&CĐS). Các yếu tố này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải ban hành một cơ chế, chính sách cấp tỉnh nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tiếp cận và tham gia hiệu quả vào quá trình phát triển KH, CN, ĐMST&CĐS, phù hợp với định hướng của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của Thanh Hóa.

1.1. Bối cảnh quốc tế

Dịch chuyển chuỗi cung ứng và cạnh tranh công nghệ: Xu hướng “China+1”, tái định hình chuỗi giá trị toàn cầu, kiểm soát rủi ro địa chính trị và an ninh kinh tế dẫn đến yêu cầu doanh nghiệp phải chuẩn hóa công nghệ - dữ liệu - truy xuất nguồn gốc, tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế (an toàn thông tin, chất lượng, môi trường).

Bùng nổ công nghệ số thế hệ mới: Trí tuệ nhân tạo tạo sinh, dữ liệu lớn, điện toán đám mây biên, robot - tự động hóa, công nghệ bán dẫn, sinh học - vật liệu mới, công nghệ xanh được ứng dụng sâu trong sản xuất - dịch vụ; mô hình đổi mới mở và nền tảng số xuyên biên giới làm tăng kết nối doanh nghiệp - viện trường - cộng đồng chuyên gia.

Áp lực tuân thủ bền vững - xanh hóa: Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), chuẩn mực ESG, kinh tế tuần hoàn trở thành điều kiện thương mại phổ biến, buộc doanh nghiệp tham gia chuỗi toàn cầu phải đổi mới quy trình, số hóa dữ liệu môi trường - năng lượng, hình thành các quan hệ xã hội mới về đo lường, xác minh, kiểm định.

Dịch chuyển tài chính cho đổi mới: Nguồn vốn toàn cầu ưu tiên công nghệ xanh - số, các quỹ đầu tư mạo hiểm và quỹ chuyển đổi tăng yêu cầu minh bạch dữ liệu và quản trị tài sản trí tuệ, tạo thêm quan hệ giữa doanh nghiệp với tổ chức trung gian, quỹ đầu tư, cơ quan thẩm định độc lập.

Những xu hướng này đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực tiếp nhận - làm chủ công nghệ, chuẩn hóa dữ liệu, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ, cũng như cơ chế chia sẻ rủi ro trong cộng đồng doanh nghiệp tư nhân.

1.2. Bối cảnh trong nước

a) Bối cảnh chung

Cấu trúc khu vực tư nhân và năng suất: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn, năng suất lao động và cường độ KH, CN, ĐMST&CDS còn chênh lệch đáng kể theo quy mô và ngành. Khoảng cách số giữa doanh nghiệp lớn - siêu nhỏ, giữa đô thị - nông thôn, giữa các cụm công nghiệp - làng nghề làm phát sinh nhu cầu trung gian công nghệ, dịch vụ tư vấn, đào tạo chuyên sâu.

Số hóa và dữ liệu: Doanh nghiệp gia tăng ứng dụng nền tảng số trong quản trị - bán hàng, nhưng hạn chế về chuẩn dữ liệu, an ninh - an toàn thông tin, tích hợp hệ thống khiến hiệu quả chưa tương xứng; phát sinh các quan hệ xã hội mới liên quan đến bảo vệ dữ liệu, chia sẻ dữ liệu sản xuất - thương mại, chuyển giao thuật toán.

Hệ sinh thái khởi nghiệp và liên kết viện - trường - doanh nghiệp: Nhu cầu R&D theo đơn đặt hàng, ươm tạo, thử nghiệm - trình diễn công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu tăng nhanh; tuy nhiên thiếu đầu mối kết nối, thiếu chuyên gia triển khai, thiếu cơ chế cùng đầu tư - cùng chia sẻ lợi ích làm cho quan hệ hợp tác còn rời rạc.

Chuẩn hóa, kiểm định - đo lường - chất lượng: Sức ép đáp ứng tiêu chuẩn thị trường (kỹ thuật, môi trường, an toàn) gia tăng, kéo theo quan hệ giữa doanh

nghiệp và tổ chức đánh giá sự phù hợp, phòng thí nghiệm, trung tâm đo lường - thử nghiệm; nhu cầu dịch vụ chứng nhận, truy xuất, số hóa hồ sơ kỹ thuật tăng mạnh.

Tài chính cho đổi mới: Doanh nghiệp cần nguồn vốn rủi ro - dài hạn cho đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh trên nền công nghệ; song tài sản bảo đảm hữu hình vẫn là điều kiện chủ đạo, khiến xuất hiện quan hệ xã hội mới về định giá tài sản trí tuệ, hợp đồng chia sẻ doanh thu, bảo lãnh đổi mới.

Tổng thể, bối cảnh trong nước tạo nhu cầu thực chất đối với dịch vụ trung gian KH, CN, ĐMST&CDS, chuẩn hóa dữ liệu - chất lượng, kết nối vốn - công nghệ - nhân lực và cơ chế hậu kiểm minh bạch để khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới.

Với vai trò là trung tâm vùng Bắc Trung Bộ, Thanh Hóa đang trở thành điểm kết nối giữa khu vực đồng bằng - miền núi - ven biển, đồng thời là cực tăng trưởng mới trong tam giác Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực công nghiệp, năng lượng và logistics tạo điều kiện thuận lợi nhưng cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về hình thành hệ sinh thái KH, CN, ĐMST&CDS của khu vực tư nhân trên địa bàn.

b) Bối cảnh yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với phát triển khu vực kinh tế tư nhân

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với phát triển khu vực kinh tế tư nhân là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá chiến lược để bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các chủ trương, đường lối và chính sách liên quan trực tiếp đến các quan hệ xã hội nêu trong báo cáo được thể hiện rõ qua các văn kiện, nghị quyết và chương trình sau:

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh và bền vững; đồng thời yêu cầu có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, đặt ra yêu cầu khuyến khích, hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và khả năng tham gia chuỗi giá trị.

- Nghị quyết số 198/2025/NQ-QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi để khu vực kinh tế tư nhân đổi mới công nghệ, tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia sâu vào các chuỗi giá trị.

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST&CDS quốc gia; yêu cầu các bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân đầu tư, ứng dụng và đổi mới công nghệ, phát triển thị trường KH, CN, ĐMST&CDS, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, địa phương.

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; trong đó giao các địa phương chủ động ban hành cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, số hóa quy trình sản xuất, khai thác tài sản trí tuệ, phát triển nhân lực KH, CN, ĐMST&CDS và hình thành mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

- Nghị quyết của Chính phủ: số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Nhấn mạnh yêu cầu, hoàn thiện thể chế, chính sách khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân tiếp cận nguồn lực KH, CN, ĐMST&CDS; mở rộng cơ chế hợp tác công - tư trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả KH, CN, ĐMST&CDS.

- Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, đã giao nhiệm vụ: “Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao”.

- Kế hoạch số 282-KH/TU ngày 20/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ các dự án nghiên cứu,

uơm tạo phát triển công nghệ cao, khuyến khích thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học - công nghệ, đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, đã nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đưa thể chế thành lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Kế hoạch đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học - công nghệ, đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại nhiệm vụ số 7, Mục III, Phụ lục II.

- Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh thực hiện đồng bộ Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết 138/NQ-CP và Nghị quyết 139/NQ-CP của Chính phủ, đặt mục tiêu: “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; là lực lượng tiên phong trong phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Kế hoạch đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các nhiệm vụ số 64 và 65, Mục IV, Phụ lục II.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

a) Mục đích

- Đánh giá đầy đủ, toàn diện các nội dung của dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025–2030, nhằm bảo đảm các quy định được ban hành có căn cứ pháp lý, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thẩm quyền của HĐND tỉnh.

- Phân tích, xem xét tính hợp lý, tính hợp pháp và tính khả thi của các quy định về thủ tục hành chính, cơ chế phân quyền, phân cấp trong dự thảo Nghị quyết; xác định rõ thủ tục hành chính nào được ban hành mới, thủ tục nào được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ; bảo đảm việc ban hành Nghị quyết không làm phát

sinh thêm gánh nặng hành chính, chi phí tuân thủ không cần thiết đối với tổ chức, cá nhân.

- Đánh giá tác động và hiệu quả thực tiễn dự kiến của các quy định trong dự thảo đối với việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là đối với khu vực kinh tế tư nhân; làm rõ khả năng tổ chức thực hiện, cơ chế phối hợp, nguồn lực và điều kiện bảo đảm khi triển khai Nghị quyết.

- Làm căn cứ khoa học và pháp lý cho việc hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua; đồng thời phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện sau khi văn bản được ban hành.

b) Yêu cầu

- Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành; việc đánh giá phải được thực hiện theo đúng nội dung, trình tự, phương pháp quy định của Bộ Tư pháp về đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Đánh giá khách quan, toàn diện, có cơ sở khoa học và thực tiễn; bám sát kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội, nhu cầu và khả năng tiếp cận chính sách của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các quy định trong dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật hiện hành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngân sách nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương, chuyển đổi số; tránh chồng chéo, trùng lặp với quy định của Trung ương.

- Đánh giá rõ mức độ phân quyền, phân cấp, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, bảo đảm nguyên tắc: nội dung được phân cấp phải có đủ điều kiện thực hiện, có cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; không làm phát sinh thủ tục hành chính mới không cần thiết.

- Làm rõ các yếu tố bảo đảm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng: tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận chính sách, huy động nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực nhân lực KH&CN và hạ tầng số; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tính bền vững trong triển khai.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

1.1. Số lượng và tên thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới

Dự kiến ban hành mới 04 thủ tục hành chính nhằm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ quy định tại Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025-2030; bảo đảm việc triển khai thực hiện chính sách được thống nhất, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, 05 thủ tục hành chính hiện hành ban hành kèm theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa (thực hiện Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2021–2025) sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025, theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ tại Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết nêu trên.

Cụ thể như sau:

Nhóm	Tên thủ tục hành chính	Tình trạng pháp lý
A. Thủ tục hành chính hiện hành (sẽ dừng hiệu lực)		
1	Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật cao trong khám bệnh, chữa bệnh (Mã 2.002413)	Dừng thực hiện từ 01/01/2025
2	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm thẻ chân trắng (Mã 2.002414)	Dừng thực hiện từ 01/01/2025
3	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo chuỗi giá trị hàng hóa quy mô lớn (Mã 2.002415)	Dừng thực hiện từ 01/01/2025
4	Hỗ trợ đầu tư mới hoặc đổi mới công nghệ cao trong bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản (Mã 2.002416)	Dừng thực hiện từ 01/01/2025
5	Hỗ trợ đầu tư mới hoặc đổi mới công nghệ – thiết bị sản xuất cát nhân tạo (cát nghiền) (Mã 2.002417)	Dừng thực hiện từ 01/01/2025
B. Thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới (theo Dự thảo Nghị quyết 2025–2030)		
1	Hỗ trợ tiếp cận chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Thủ tục hành chính mới
2	Hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa	Thủ tục hành chính mới
3	Hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Thủ tục hành chính mới
4	Hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao	Thủ tục hành chính mới

1.2. Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp

a) Sự cần thiết

Việc ban hành 04 thủ tục hành chính mới là cần thiết, xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, bảo đảm yêu cầu pháp lý và quản lý nhà nước: Các chính sách hỗ trợ quy định trong Dự thảo Nghị quyết có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, do đó cần thiết phải ban hành thủ tục hành chính để xác lập trình tự, hồ sơ, thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan có liên quan trong việc tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, giải ngân và kiểm tra, giám sát kinh phí hỗ trợ.

Thứ hai, thay thế cho các thủ tục hành chính đã hết hiệu lực: 05 thủ tục hành chính hiện hành được ban hành theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa, thực hiện Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND, chỉ phù hợp với giai đoạn 2021–2025 và phạm vi hỗ trợ hẹp (chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, y tế).

Từ ngày 01/01/2025, các thủ tục này sẽ chấm dứt hiệu lực; do vậy, việc ban hành 04 thủ tục hành chính mới là cần thiết để bảo đảm tính liên tục của chính sách hỗ trợ KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời mở rộng phạm vi áp dụng cho toàn bộ khu vực kinh tế tư nhân.

Thứ ba, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và chủ trương của Đảng, Nhà nước: Các thủ tục mới được xây dựng nhằm cụ thể hóa chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và các Kế hoạch hành động số 266-KH/TU, 282-KH/TU, 101/KH-UBND, 149/KH-UBND của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Thanh Hóa.

Các thủ tục hành chính này là công cụ để tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ, bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch và tránh trùng lặp.

b) Tính hợp lý

- Phù hợp về phạm vi, nội dung và đối tượng điều chỉnh: Bốn thủ tục hành chính mới được thiết kế theo từng nhóm chính sách cụ thể, phản ánh đúng nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân trong khu vực kinh tế tư nhân; đồng thời bảo đảm bao quát các giai đoạn hỗ trợ (từ tiếp cận chính sách – vay vốn – thuê hạ tầng – đổi mới quy trình sản xuất, kinh doanh).

- Đơn giản, thuận tiện, giảm gánh nặng hành chính: Hồ sơ, biểu mẫu được chuẩn hóa, thống nhất, sử dụng song song ở cả dạng giấy và điện tử; quy trình tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt được rút gọn, thời gian xử lý từ 05 đến 15 ngày làm việc.

- Cơ quan giải quyết là Sở Khoa học và Công nghệ, bảo đảm đầu mối duy nhất, rõ trách nhiệm, không phát sinh thêm tầng nấc trung gian.

- Ứng dụng chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục: Các thủ tục được thực hiện trên Cổng dịch vụ công của tỉnh Thanh Hóa, cho phép nộp, theo dõi và nhận kết quả trực tuyến, phù hợp mục tiêu tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW và Chương trình Chuyển đổi số giai đoạn 2025–2030.

- Chi phí tuân thủ hợp lý: Chi phí thực hiện thủ tục ở mức thấp, thời gian giải quyết nhanh, bảo đảm cân đối giữa yêu cầu quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; không làm phát sinh chi phí tuân thủ ngoài quy định.

c) Tính hợp pháp

- Căn cứ pháp lý: Các thủ tục hành chính được quy định trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành, gồm: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Các Nghị quyết số 57-NQ/TW, 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 138/NQ-CP, 139/NQ-CP của Chính phủ.

- Thẩm quyền ban hành: HĐND tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền ban hành nghị quyết quy định chính sách đặc thù và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương theo quy định tại Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Điều 30 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

- Việc quy định và công bố các thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết, bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tính thống nhất và tương thích pháp luật: Các thủ tục hành chính mới không trùng lặp với thủ tục cấp Trung ương, không vượt quá thẩm quyền, không mâu thuẫn với quy định của pháp luật chuyên ngành; đồng thời tương thích với cơ chế quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, cơ chế quản lý tài chính, đầu tư công, tín dụng và hỗ trợ doanh nghiệp.

Kết luận:

Các thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới có tính cần thiết, hợp lý và hợp pháp, bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc, phù hợp chủ trương của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2025–2030; đồng thời kế thừa, thay thế hợp lý cho các thủ tục hành chính thuộc Nghị quyết 20/2021/NQ-HĐND đã hết hiệu lực.

1.3. Đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

a) Căn cứ và phương pháp tính toán

Việc xác định chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (TTHC) được thực hiện theo Hướng dẫn tính chi phí tuân thủ TTHC của Bộ Tư pháp (Phụ lục 5 – Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động thủ tục hành chính). Chi phí tuân thủ bao gồm các khoản chi phí mà tổ chức, cá nhân phải bỏ ra để thực hiện TTHC, gồm:

Chi phí chuẩn bị hồ sơ (CHS);

Chi phí nộp hồ sơ và nhận kết quả (CNHS/NKQ);

Chi phí nộp phí, lệ phí (CP, LP) nếu có;

Chi phí phục vụ kiểm tra, đánh giá thực tế (CK).

Công thức tính chi phí thực hiện 01 TTHC:

$$CTTHC = CHS + CNHS/NKQ + CP,LP + CK$$

Công thức tính tổng chi phí tuân thủ 01 TTHC trong năm:

$$\sum \text{Chi phí TTHC/năm} = CTTHC \times P \times SL$$

Trong đó:

P: số lần thực hiện TTHC trong năm (đối với thủ tục phát sinh theo nhu cầu, *P* được xác định bằng 1);

SL: số lượng tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục trong năm.

Số liệu được tính toán dựa trên:

Mức thu nhập bình quân 01 người/giờ làm việc tại Thanh Hóa năm 2024: 27.800 đồng/giờ (theo Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa);

Thời gian trung bình thực hiện hồ sơ: 5–15 ngày làm việc, tùy theo tính chất thủ tục.

Các thủ tục này không phát sinh phí, lệ phí hành chính.

b) Ước tính chi phí tuân thủ đối với từng thủ tục hành chính mới

STT	Tên thủ tục hành chính	Chi phí chuẩn bị hồ sơ (CHS)	Chi phí nộp hồ sơ/nhận kết quả (CNHS/NKQ)	Chi phí khác (CK, nếu có)	Tổng chi phí trung bình/01 hồ sơ (CTTHC)	Tần suất thực hiện
1	Hỗ trợ tiếp cận chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	40.000 – 60.000	80.000 – 100.000	–	120.000 – 160.000 đồng	Thực hiện khi có nhu cầu tham gia hoạt động hỗ trợ
2	Hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh Thanh Hóa	100.000 – 150.000	200.000 – 250.000	100.000 (thẩm định hồ sơ tài chính, phương án sử dụng vốn)	400.000 – 500.000 đồng	Thực hiện theo nhu cầu vay vốn
3	Hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	80.000 – 120.000	120.000 – 150.000	–	200.000 – 270.000 đồng	Thực hiện theo nhu cầu được hỗ trợ
4	Hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao	150.000 – 200.000	200.000 – 250.000	100.000 (kiểm tra, nghiệm thu thực tế)	450.000 – 550.000 đồng	Thực hiện theo nhu cầu hỗ trợ đổi mới quy trình

Tổng chi phí trung bình: khoảng 320.000 – 370.000 đồng/hồ sơ.

c) Phân tích và đánh giá

Chi phí trực tiếp: chủ yếu là chi phí in ấn, sao chụp và đi lại trong quá trình nộp, nhận kết quả; phần lớn được giảm nhờ triển khai hồ sơ điện tử trên Cổng dịch vụ công của tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thời gian: bình quân từ 6–10 giờ công lao động, phù hợp với tính chất từng thủ tục; thời gian xử lý của cơ quan hành chính từ 05–15 ngày làm việc.

Chi phí cơ hội: không đáng kể, do các thủ tục đều cho phép nộp trực tuyến, hạn chế tiếp xúc trực tiếp.

Phí, lệ phí: không thu, đảm bảo đúng nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

d) Kết luận

Chi phí tuân thủ của 04 thủ tục hành chính mới ở mức thấp, hợp lý, khả thi, không tạo gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Các thủ tục được thiết kế theo hướng giảm thiểu thời gian, giấy tờ, áp dụng công nghệ số, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, phù hợp Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ về cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ lập Bảng tính chi phí tuân thủ chi tiết cho từng thủ tục theo biểu mẫu của Bộ Tư pháp (Phụ lục 5 kèm theo) khi trình UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính mới sau khi Nghị quyết được thông qua.

2. Việc phân quyền, phân cấp

a) Sự cần thiết của việc phân quyền, phân cấp

Việc quy định phân quyền, phân cấp trong Dự thảo Nghị quyết là cần thiết nhằm:

- Bảo đảm tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cấp tỉnh trong việc tổ chức triển khai chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với đặc thù của địa phương;

- Cụ thể hóa nguyên tắc “phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình” được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng tính hiệu quả trong quản lý nhà nước và giảm thủ tục trung gian, khi các nội dung hỗ trợ KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có phạm vi áp dụng rộng, liên quan nhiều đối tượng, nhiều ngành, lĩnh vực;

- Tạo điều kiện huy động tối đa nguồn lực xã hội, thúc đẩy hợp tác công – tư, phát huy vai trò của doanh nghiệp, tổ chức trung gian, quỹ đầu tư và các cơ sở ương tạo trong hệ sinh thái KH&CN và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

b) Nội dung phân quyền, phân cấp

Cơ quan/Đơn vị	Nội dung phân quyền, phân cấp thực hiện	Căn cứ pháp lý và phạm vi trách nhiệm
Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định ban hành chính sách, quy định nội dung, mức hỗ trợ, điều kiện, tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục; giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

Cơ quan/Đơn vị	Nội dung phân quyền, phân cấp thực hiện	Căn cứ pháp lý và phạm vi trách nhiệm
Ủy ban nhân dân tỉnh	Tổ chức thực hiện Nghị quyết; ban hành quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính mới; chỉ đạo, điều hành các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện chính sách; bảo đảm nguồn lực, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo HĐND tỉnh.	Khoản 3 Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 21 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.
Sở Khoa học và Công nghệ	Là cơ quan thường trực, đầu mối chủ trì triển khai, hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, phê duyệt và giải ngân kinh phí hỗ trợ; tổng hợp kết quả thực hiện; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung chính sách khi cần thiết.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Thông tư 10/2025/TT-BKHCN Ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa	Thực hiện nhiệm vụ cho vay, hỗ trợ tài chính đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức thẩm định phương án vay, quản lý và thu hồi vốn vay; phối hợp với Sở KH&CN trong kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.	Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ KH&CN tỉnh Thanh Hóa; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tham mưu cân đối, bố trí và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí; kiểm tra, giám sát chi tiêu ngân sách theo quy định; phối hợp lồng ghép các chương trình, đề án KH&CN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP (về quy định chi ngân sách).
Các cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp	Phối hợp với Sở KH&CN trong tiếp nhận, hướng dẫn đối tượng thụ hưởng chính sách; xác nhận hồ sơ, hỗ trợ triển khai các dự án, mô hình đổi mới sáng tạo; cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác đánh giá, nghiệm thu.	Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và Nghị định số 13/2019/NĐ-CP (về doanh nghiệp KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo).
UBND các xã, phường	Tuyên truyền, phổ biến chính sách; phối hợp tiếp nhận, xác nhận thông tin đối tượng trên địa bàn; tham gia giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tại cơ sở.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Điều kiện bảo đảm thực hiện phân quyền, phân cấp

- Cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu: Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, theo dõi, tổng hợp trực tuyến các chương trình, dự án hỗ trợ KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm kết nối giữa các sở, ngành, địa phương và tổ chức trung gian.

- Nguồn nhân lực: Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn về KH&CN, chuyển đổi số và quản trị đổi mới sáng tạo tại Sở KH&CN và Quỹ KH&CN; tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện tại các cấp, đơn vị.

- Nguồn lực tài chính: Bảo đảm kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách địa phương, nguồn xã hội hóa, các quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo; khuyến khích cơ chế hợp tác công – tư.

- Công tác kiểm tra, giám sát: UBND tỉnh giao Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân quyền, phân cấp, bảo đảm không chồng chéo, bỏ sót trách nhiệm.

d) Kết luận

- Việc phân quyền, phân cấp trong Dự thảo Nghị quyết được quy định rõ ràng, hợp lý, đúng thẩm quyền, bảo đảm nguyên tắc tập trung – thống nhất trong chỉ đạo, đồng thời phát huy tính chủ động của cơ quan chuyên môn.

- Các điều kiện bảo đảm về tổ chức, nhân lực, tài chính và hạ tầng công nghệ đủ khả năng thực hiện, không làm phát sinh thêm cấp trung gian hoặc thủ tục hành chính mới.

- Việc phân quyền, phân cấp này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm gánh nặng hành chính, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đánh giá các quy định trong dự thảo tạo thuận lợi cho việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị quyết đã cụ thể hóa rõ ràng các nhóm chính sách hỗ trợ gồm:

(1) Hỗ trợ tiếp cận chính sách phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

(2) Hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh;

(3) Hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc cho hoạt động đổi mới sáng tạo;

(4) Hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất, kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao.

Đây là 04 nội dung trọng tâm, thể hiện định hướng lấy doanh nghiệp tư nhân làm trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp Nghị quyết số 57-NQ/TW và 68-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Các quy định trong dự thảo tạo thuận lợi rõ rệt cho ứng dụng và phát triển KH&CN, ĐMST và CDS, thông qua việc:

- Mở rộng đối tượng thụ hưởng (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân khởi nghiệp, tổ chức trung gian, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo);

- Cho phép áp dụng linh hoạt các hình thức hỗ trợ (đào tạo, tư vấn, vay vốn, thuê hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ);

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chuyên môn trong hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, kiểm tra, giám sát – bảo đảm tính minh bạch, khả thi và công khai trong triển khai chính sách.

b) Yêu cầu về thể chế, hạ tầng, nhân lực và bảo đảm an toàn thông tin

- Về thể chế:

- + Dự thảo Nghị quyết đã bám sát khung pháp lý của Luật KH&CN và Đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Giao dịch điện tử, đồng thời phù hợp với Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030.

- + Các quy định hướng tới mô hình “hỗ trợ theo nhu cầu và theo kết quả đầu ra”, tránh hỗ trợ dàn trải, bao cấp.

- + Việc phân quyền cho Sở KH&CN và Quỹ KH&CN tỉnh được quy định chặt chẽ, có cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ.

- Về hạ tầng:

- + Thanh Hóa đã có Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh, Khu Công nghệ cao Lam Sơn – Sao Vàng, các khu công nghiệp công nghệ cao, hệ thống mạng lưới viễn thông và hạ tầng số tương đối đồng bộ.

- + Dự thảo Nghị quyết tạo hành lang pháp lý để khai thác và phát huy các hạ tầng này, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ thuê không gian làm việc, hạ tầng ươm tạo – thử nghiệm công nghệ mới, thúc đẩy hình thành “Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh”.

- Về nhân lực:

- + Dự thảo quy định hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng đổi mới sáng tạo, quản trị chuyển đổi số, quản lý tài sản trí tuệ, định giá công nghệ... cho cán bộ, nhân viên doanh nghiệp tư nhân, cơ sở ươm tạo và trung gian hỗ trợ khởi nghiệp.

+ Đây là yếu tố then chốt góp phần hình thành đội ngũ nhân lực KH&CN, ĐMST, CDS có trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Về an toàn, an ninh thông tin: Các quy định của dự thảo phù hợp định hướng của Luật An ninh mạng, bảo đảm yêu cầu bảo vệ dữ liệu, an toàn hệ thống thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo mật trong quá trình triển khai hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp.

c) Nội dung ứng dụng, thúc đẩy và phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao (AI, dữ liệu lớn, IoT, bán dẫn, công nghệ môi trường, logistics thông minh, tự động hóa...) trong quản trị, sản xuất, kinh doanh.

- Thúc đẩy hình thành và vận hành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương, kết nối doanh nghiệp – viện nghiên cứu – trường đại học – cơ quan quản lý.

- Tạo cơ chế hỗ trợ thử nghiệm, trình diễn công nghệ (sandbox) trong một số lĩnh vực mới (công nghệ số, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ vật liệu, năng lượng tái tạo).

- Phát triển cơ sở dữ liệu KH&CN và ĐMST của tỉnh, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ công tác quản lý, thống kê và dự báo.

- Đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đăng ký, bảo hộ, khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp.

d) Các yếu tố ảnh hưởng đến triển khai thực hiện

- Tích cực:

+ Có sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương;

+ Cơ sở hạ tầng KH&CN và chuyển đổi số của tỉnh đã được đầu tư bước đầu;

+ Cộng đồng doanh nghiệp tư nhân ngày càng quan tâm đến đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, sẵn sàng tham gia chính sách hỗ trợ.

- Hạn chế, thách thức:

+ Một bộ phận doanh nghiệp vừa và nhỏ còn hạn chế về năng lực tài chính, nhân lực KH&CN và kỹ năng số;

+ Cơ chế phối hợp giữa các tổ chức trung gian, cơ sở ươm tạo và doanh nghiệp chưa thật chặt chẽ;

+ Nguồn lực ngân sách còn hạn chế, cần huy động thêm nguồn lực xã hội hóa, quỹ đầu tư mạo hiểm.

e) Cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện

- UBND tỉnh: chỉ đạo thống nhất triển khai, bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn; định kỳ giao Sở KH&CN chủ trì tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

- Sở Khoa học và Công nghệ: cơ quan thường trực, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận, thẩm định, kiểm tra, giám sát, giải ngân và tổng hợp kết quả.

- Sở Tài chính: phối hợp bố trí kinh phí, hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán.

- Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh: thực hiện hỗ trợ tài chính, cho vay, thẩm định và thu hồi vốn.

- Các cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian: phối hợp hỗ trợ kỹ thuật, xác nhận hồ sơ, hướng dẫn doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.

- Các sở ngành, UBND các xã, phường: tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp địa phương tiếp cận chính sách, tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

f) Nguồn lực thực hiện

- Ngân sách nhà nước: chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển cho KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (tối thiểu 1% tổng chi ngân sách địa phương, theo Kế hoạch 101/KH-UBND năm 2025).

- Nguồn xã hội hóa: huy động từ doanh nghiệp, quỹ đầu tư, viện – trường, hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế.

- Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh và Quỹ KH&CN của doanh nghiệp (theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

g) Kết luận

- Dự thảo Nghị quyết đáp ứng đầy đủ yêu cầu về thể chế, cơ chế, hạ tầng, nhân lực và nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Các quy định của dự thảo phù hợp với chủ trương, pháp luật hiện hành, bảo đảm khả thi, có tính đột phá, góp phần thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2025-2030.

III. PHỤ LỤC (nếu có): Không có.